

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2022/DS-ST**

Ngày 28/9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mùa

2. Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 79/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 2, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Trần Văn V, sinh năm 1979- phó giám đốc ngân hàng A-Chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

*** Bị đơn:** Bà Vũ Thị L, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

ông Phạm Văn X, sinh năm 1963 (Có mặt)

Bà Vũ Thị M, sinh năm 1969 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Vào ngày 10/10/2019, Ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập có cho Vũ Thị L vay vốn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 5617-LAV-201905097, như sau:

+ Số tiền vay: 1.600.000.000 đồng

+ Thời gian vay: 12 tháng

+ Lãi suất: Trong hạn 9,810.05%/năm; quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn

+ Mục đích vay: Mua vườn điều, chăm sóc vườn

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: vào ngày 10/10/2020

Để đảm bảo khoản vay trên, bà Vũ Thị L đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 553948/HĐTC-2 ngày 10/10/2019 gồm các tài sản sau:

+ Mảnh đất có diện tích 238,6m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; thửa đất số 106, tờ bản đồ số 23 được Ủy ban nhân dân huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Tôn Nữ Hoàng O ngày 12/6/2008. Nội dung thay đổi chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Ch được chỉnh lý trang 4 số 88/CN ngày 17/7/2013.

+ Mảnh đất có diện tích 179.8m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; thửa đất số 115, tờ bản đồ số 23 được Ủy ban nhân dân huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Phạm Văn Ch ngày 12/6/2008.

+ Mảnh đất có diện tích 17876,4m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 được Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Phạm Văn X và bà Vũ Thị M ngày 12/6/2008.

Tuy nhiên đến nay đã quá hạn trả nợ đối với hợp đồng tín dụng trên, ngân hàng A đã nhiều lần yêu cầu bà L và ông Ch trả tiền nhưng bà L và ông Ch không trả tiền, do bà L và ông Ch vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà L và ông Ch trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền gốc 1.600.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 28/9/2022 là: 567.595.726 đồng (Lãi trong hạn: 159.603.288 đồng và lãi quá hạn: 407.992.438 đồng).

Nếu bà L và ông Ch không trả được nợ, ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 553948/HĐTC-2 ngày 10/10/2019.

2. Bị đơn bà Vũ Thị L: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ch:

Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn X, bà Vũ Thị M:

Tại phiên tòa ông X và bà M đều xác định vào ngày 08/10/2019 có ký hợp đồng ủy quyền cho bà Vũ Thị L đối với mảnh đất có diện tích 17876,4m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 được Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Phạm Văn X và bà Vũ Thị M ngày 12/6/2008. Mục đích ký ủy quyền là để thế chấp quyền sử dụng đất trên tại Ngân hàng A để vay số tiền 1.600.000.000 đồng. Việc ký hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Phòng công chứng Phạm Dũng, được vào sổ công chứng số 5710, quyển số 04. Sau khi ủy quyền thì bà L đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn và đã được giải ngân số tiền 1.600.000.000 đồng. Nay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà L và ông Ch trả nợ số tiền vay đồng thời yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích 17876,4m² thì ông X và bà M không đồng ý. Lý do không đồng ý là do vào năm 2017, 2018 gia đình ông bà có vay vốn tại ngân hàng A huyện Bù Gia Mập nhưng không được ngân hàng giải ngân số tiền này. Nay ngân hàng phải giải ngân số tiền này cho gia đình ông bà thì ông bà sẽ trả tiền cho ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203, 205, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đơn, buộc bị đơn bà Vũ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ch có nghĩa vụ trả cho ngân hàng A số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và lãi suất trong hạn, quá hạn theo luật định.

Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch không trả được nợ thì ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng do nguyên đơn ngân hàng A thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Vũ Thị L trú tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và tài sản thế chấp tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn bị đơn bà Vũ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ch đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch.

Bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1. Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào HĐTD 5617-LAV-201905097 ngày 10/10/2019 thể hiện bà Vũ Thị L có vay của ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất: Trong hạn 10.05%/năm; quá hạn 150% lãi suất cho vay; Mục đích vay: mua vườn điều. Xét thấy, việc ký hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và bà L là tự nguyện, có điều khoản rõ ràng, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 90 của Luật các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu một trong các bên vi phạm thì phải chịu chế tài.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập đã giải ngân số tiền 1.600.000.000 đồng cho bà L, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ngày 10/10/2020 thì bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng. Điều này được chứng minh qua Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, bảng kê tính lãi. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng A buộc bà L trả số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng là có đủ căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với ông Phạm Văn Ch đã có hợp đồng ủy quyền số 5770, quyền số 04-2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 10 năm 2019 và hợp đồng ủy quyền số 5711 ngày 08 tháng 10 năm 2019 cho bà Vũ Thị L thực hiện việc vay vốn tại ngân hàng và thực hiện việc thế chấp tài sản để đảm bảo việc vay vốn. Đồng thời ông Ch và bà L là vợ chồng, mục đích vay vốn là để mua vườn điều và chăm sóc vườn là nguồn tài sản chung của vợ chồng. Nên trong vụ án này ông Ch phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà L trả nợ số tiền vay cùng lãi suất cho Ngân hàng là phù hợp.

3.2. Về tiền lãi suất: Ngân hàng yêu cầu bà L và ông Ch trả số tiền lãi suất tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất như sau:

Lãi suất trong hạn tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/10/2020 là: 159.603.288 đồng.

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 11/10/2020 đến ngày 28 tháng 9 năm 2022 là 407.992.438 đồng.

Xét thấy, mức lãi suất mà ngân hàng yêu cầu mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng được chấp nhận, buộc bà L và ông Ch phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 28/9/2022 là 567.595.729 đồng.

3.3. Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đảm bảo vay vốn số 553948/HĐTC-2 ngày 10/10/2019, thể hiện: Để đảm bảo khoản vay vốn 1.600.000.000 đồng thì bà L có thể chấp cho Ngân hàng A chi nhánh huyện Bù Gia Mập các quyền sử dụng đất gồm: diện tích đất 17.876,4m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 865006 do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 26/05/2014 cho ông Phạm Văn X, bà Vũ Thị M; diện tích đất 238,6m² tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 269346m² do UBND huyện Phước Long cũ cấp ngày 12/06/2008 cho hộ ông Hoàng Văn T và bà Tôn Nữ Hoàng O, chính lý trang 4 quyền sử dụng đất chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Phạm Văn Ch vào ngày 17/7/2013; diện tích đất 179,8m² tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 367592 do UBND huyện Phước Long cũ cấp ngày 12/06/2008 cho ông Phạm Văn Ch. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản thế chấp

vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi ký hợp đồng thế chấp tài sản đến nay không có thay đổi gì. Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 553948/HĐTC-2 ngày 10/10/2019 đảm bảo vay vốn số là tự nguyện, đúng chủ thể, được công chứng và tài sản thế chấp được đăng ký bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập. Hợp đồng có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 293, 295, 298, 318, 319, 500, 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 của luật đất đai năm 2013 và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực từ thời điểm đăng ký thế chấp, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, trong trường hợp bà L và ông Ch không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Đối với phần trình bày và yêu cầu của bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn X về việc không đồng ý xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 17.876,4m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 865006 do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 26/05/2014 cho ông Phạm Văn X, bà Vũ Thị M với lý do là trước đó vào năm 2017 ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bù Gia Mập không giải ngân số tiền 3.000.000.000 đồng cho gia đình ông bà khi vay vốn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông bà để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông bà không thực hiện. Tại phiên tòa, ông bà cũng thừa nhận việc ủy quyền cho bà L là để vay vốn số tiền 1.600.000.000 đồng tại ngân hàng. Việc ủy quyền là tự nguyện và ông bà biết hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Mặt khác, ông bà cũng thừa nhận số tiền 1.600.000.000 đồng đã được Ngân hàng giải ngân cho bà L và đã sử dụng số tiền trên và số tiền này không liên quan đến số tiền mà ông X và bà M đã trình bày. Đồng thời tại phiên ông X và bà M không cung cấp cho Tòa án thêm chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết.

[4]. Về số tiền chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000 đồng, bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch phải chịu. Do Ngân hàng A đã tạm ứng số tiền chi phí trên nên cần buộc bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng A.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch, phải nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 119; 293, 295, 298, 318, 319, 468, 500, 502 của Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 3 Điều 167, Điều 188 của luật đất đai năm 2013

- Các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*) và số tiền lãi suất là tính đến ngày 28/9/2022 là 567.595.729 đồng (*Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm: Mảnh đất có diện tích 238,6m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; thửa đất số 106, tờ bản đồ số 23 được Ủy ban nhân dân huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Tôn Nữ Hoàng O ngày 12/6/2008. Nội dung thay đổi chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Ch được chỉnh lý trang 4 số 88/CN ngày 17/7/2013; Mảnh đất có diện tích 179.8m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; thửa đất số 115, tờ bản đồ số 23 được Ủy ban nhân dân huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Phạm Văn Ch ngày 12/6/2008; Mảnh đất có diện tích 17876,4m², tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 được Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cấp cho ông Phạm Văn X và bà Vũ Thị M ngày 12/6/2008.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng A.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Ch phải nộp số tiền 75.351.914 đồng (*Bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi một nghìn chín trăm mười bốn đồng*)

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 51.434.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007719 ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn X, bà Vũ Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TUYẾT

